



lái qù
来去

verb phrase · coming and going; movement

Example Sentences

Zhè tiáo lù lái qù de rén hěn duō.
这条路来去的人很多。

There are many people coming and going on this road.

Tā měi tiān lái qù cōng cōng.
他每天来去匆匆。

He comes and goes in a hurry every day.

Tā zì yóu lái qù, bù shòu rèn hé xiàn zhì.
他自由来去，不受任何限制。

He comes and goes freely without any restrictions.

Trace each character, then write the word on your own.

来	来	来	来	来	来	来	来	来	来
去	去	去	去	去	去	去	去	去	去